

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

VÕ THỊ MỸ HẠNH

**TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT
TẠI CÔNG TY MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ
ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành: Kế toán
Mã số: 60.34.30**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Đà Nẵng - Năm 2011

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS.GS TRƯƠNG BÁ THANH**

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

Luận văn sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn
tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đà Nẵng
vào ngàytháng.....năm.....

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Chi phí là một chỉ tiêu chất lượng quan trọng phản ánh nhiều mặt hoạt động của doanh nghiệp, là biểu hiện bằng tiền toàn bộ lao động sống và lao động vật hoá kết tinh trong sản phẩm, là thước đo nói lên trình độ quản lý của công ty tốt hay xấu, là mục tiêu phấn đấu của công ty. Việc kiểm soát chi phí là điều quan trọng ở các doanh nghiệp hiện nay. Do đó việc thiết lập một hệ thống kiểm soát nội bộ chặt chẽ, hiệu quả là một trong những vấn đề cấp thiết đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là hệ thống kiểm soát nội bộ về chi phí. Công tác kiểm soát chi phí thường xuyên, chặt chẽ, khoa học sẽ giúp cho các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nó là công cụ hữu hiệu để điều chỉnh các hoạt động của doanh nghiệp, cung cấp những thông tin hữu ích cho nhà quản lý đánh giá được hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các quyết định quản lý đúng đắn nhằm đảm bảo và tăng cường hiệu quả hoạt động, đảm bảo và tăng cường độ tin cậy của các báo cáo tài chính, cũng như sự tuân thủ luật pháp.

Với những lý do trên, luận văn chọn đề tài ***“Tăng cường kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng”*** để nghiên cứu.

2. Mục đích nghiên cứu

- ***Về mặt lý luận:*** Luận văn tổng hợp những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm soát chi phí sản xuất trong doanh nghiệp.

- ***Về mặt thực tiễn:*** Luận văn nghiên cứu công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng trong điều kiện về trình độ khoa học, kỹ thuật công nghệ, trình độ quản lý và điều kiện sản xuất hiện tại của Công ty.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- *Đối tượng nghiên cứu:* Nghiên cứu lý luận về kiểm soát chi phí sản xuất

trong doanh nghiệp và thực tiễn công tác kiểm soát CPSX tại Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

- *Phạm vi nghiên cứu:* Đề tài chỉ tập trung nghiên cứu công tác kiểm soát CPSX dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm 2010.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp phỏng vấn và thu thập thông tin tài liệu là phương pháp cơ bản.

5. Những đóng góp của đề tài

- *Về mặt lý luận:* Luận văn đã hệ thống hoá những vấn đề lý luận chung về kiểm soát chi phí sản xuất trong doanh nghiệp.

- *Về mặt thực tiễn:* Trình bày và đánh giá thực trạng kiểm soát chi phí sản xuất dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt từ đó nêu rõ những kết quả và tồn tại cần tiếp tục hoàn thiện. Đồng thời, đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty.

6. Cấu trúc của luận văn

Chương 1: Lý luận về kiểm soát chi phí sản xuất trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng về hoạt động kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

Chương 3: Phương hướng và giải pháp tăng cường kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty Môi trường đô thị Đà Nẵng.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. KHÁI NIỆM, MỤC ĐÍCH KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT

1.1.1. Khái niệm kiểm soát chi phí sản xuất

Kiểm soát: kiểm soát là quá trình theo dõi, xem xét, đối chiếu và đánh giá toàn bộ các chính sách và thủ tục do đơn vị thiết lập.

Kiểm soát nội bộ: kiểm soát nội bộ bao gồm các chính sách và thủ tục được thiết lập bởi cấp lãnh đạo và toàn thể nhân viên trong nội bộ đơn vị. Có hai dạng kiểm soát cơ bản là: kiểm soát quản lý và kiểm soát kế toán.

Kiểm soát chi phí sản xuất: kiểm soát chi phí sản xuất là một chức năng trong công tác quản trị chi phí của doanh nghiệp, nó cũng mang tính chất của kiểm soát quản lý và kiểm soát kế toán. Kiểm soát chi phí sản xuất còn là một phần của hệ thống kiểm soát nội bộ .

1.1.2. Mục đích kiểm soát chi phí sản xuất

Tăng hiệu quả hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, giảm thiểu chi phí không cần thiết, hạ giá thành sản xuất, tăng lợi nhuận, ngoài ra nó còn là cơ sở để nâng cao trách nhiệm của mỗi cá nhân, mỗi bộ phận trong toàn doanh nghiệp.

1.2. NỘI DUNG KIỂM SOÁT CPSX TRONG DOANH NGHIỆP

1.2.1. Thiết lập các nhân tố môi trường kiểm soát chi phí sản xuất

1.2.1.1. Các nhân tố bên trong

Đặc thù về quản lý, cơ cấu về quyền lực, cơ cấu tổ chức, chính sách nhân sự, công tác kế hoạch, bộ phận kiểm soát nội bộ,...

1.2.1.2. Các nhân tố bên ngoài

Sự kiểm soát của các cơ quan chức năng của Nhà nước, sự ảnh hưởng của các chủ nợ, môi trường pháp lý, ...

1.2.2. Tổ chức hệ thống thông tin phục vụ cho công tác kiểm soát chi phí sản xuất

1.2.2.1. Hệ thống thông tin kế toán

Hệ thống thông tin kế toán gồm có hệ thống thông tin kế toán tài chính và hệ thống thông tin kế toán quản trị. Thông tin kế toán bao gồm hệ thống tài khoản, hệ thống sổ sách, các bảng biểu, báo cáo chi phí, báo cáo kế toán,...

1.2.2.2. Hệ thống thông tin kỹ thuật

Hệ thống thông tin kỹ thuật bao gồm việc lập, luân chuyển các hồ sơ kỹ thuật và lập báo cáo kỹ thuật. Hồ sơ kỹ thuật bao gồm hồ sơ thiết kế, bản vẽ kỹ thuật công nghệ (bản vẽ thi công), bảng dự toán khối lượng chi tiết công việc, bảng phân tích dự toán tiến độ sản xuất, báo cáo về công trình, biên bản thi công công trình, biên bản nghiệm thu khối lượng công việc,...

1.2.3. Phân loại chi phí phục vụ kiểm soát CPSX trong doanh nghiệp

1.2.3.1. Phân loại chi phí theo nội dung kinh tế ban đầu

Bao gồm chi phí nhân công (chí phí lao động), chi phí nguyên vật liệu (chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nguyên vật liệu phụ, chi phí nhiên liệu, chi phí phụ tùng thay thế, chi phí nguyên liệu khác), chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ thuê ngoài, chi phí khác bằng tiền.

1.2.3.2. Phân loại chi phí theo công dụng kinh tế

Bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

1.2.3.3. Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí

Bao gồm chi phí khả biến, chi phí bất biến, chi phí hỗn hợp.

1.2.4. Thiết lập các thủ tục kiểm soát CPSX trong doanh nghiệp

1.2.4.1. Thủ tục lập hồ sơ công nghệ

Từ hồ sơ thiết kế, bộ phận Kỹ thuật (thông thường là phòng Kỹ thuật) phân chia các bước công việc: sản phẩm cần thiết kế, vẽ các bản vẽ kỹ thuật công nghệ chi tiết của các bước công việc. Bóc tách nguyên vật liệu cho từng bước công việc và tổng hợp cho sản phẩm, đồng thời lập dự toán chi tiết cho từng bước công việc. Sau đó viết quy trình công nghệ sản xuất và lập bảng dự toán tiến độ sản xuất sản phẩm.

1.2.4.2. Thủ tục kiểm soát chất lượng và giá nguyên vật liệu mua vào

Vật tư mua vào gồm nguyên vật liệu trực tiếp, nhiên liệu và công cụ dụng cụ. Mỗi doanh nghiệp tự đưa ra các biện pháp để kiểm soát giá mua vật tư, thông thường cơ sở để các doanh nghiệp quyết định giá mua là giá được kết hợp tốt nhất của các điều kiện sau: tham khảo giá thị trường, tổ chức đấu thầu, lấy báo giá, thoả thuận về các điều kiện giao hàng, thanh toán, chiết khấu,...

1.2.4.3. Thủ tục lập hồ sơ dự toán chi phí

Sau khi hoàn thành hồ sơ công nghệ, phòng Kỹ thuật chuyển các dự toán chi tiết của từng hạng mục công việc về chủng loại và khối lượng vật tư, khối lượng công việc thực hiện và số công lao động sang cho các phòng ban có liên quan để áp giá chi phí trên cơ sở định mức về giá của doanh nghiệp đã được xây dựng sau đó tổng hợp dự toán chi tiết cho từng hạng mục công việc hoặc toàn bộ công việc.

1.2.5. Lập dự toán chi phí sản xuất

1.2.5.1. Định mức chi phí sản xuất

- Định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

+ Định mức lượng nguyên vật liệu trực tiếp

+ Định mức giá nguyên vật liệu trực tiếp

- Định mức chi phí nhân công trực tiếp

+ Định mức lượng thời gian

+ Định mức giá cho đơn vị thời gian

- Định mức chi phí sản xuất chung

+ Định mức biến phí sản xuất chung

Định mức biến phí SXC	=	Định mức biến phí trực tiếp	x	Tỷ lệ biến phí SXC
-----------------------	---	-----------------------------	---	--------------------

Định mức biến phí sản xuất chung	=	Mức độ hoạt động bình quân mỗi sản phẩm	x	Đơn giá biến phí sản xuất chung
----------------------------------	---	---	---	---------------------------------

+ Định mức định phí sản xuất chung

Tỷ lệ (đơn giá) phân bổ định phí sản xuất chung	=	<u>Dự toán định phí sản xuất chung</u> Mức độ hoạt động bình quân
---	---	--

Định mức định phí sản xuất chung	=	Mức độ hoạt động bình quân để sản xuất một đơn vị sản phẩm	x	Tỷ lệ (đơn giá) phân bổ định phí sản xuất chung
----------------------------------	---	--	---	---

Định mức chi phí SXC	=	Định mức biến phí SXC	+	Định mức định phí SXC
----------------------	---	-----------------------	---	-----------------------

1.2.5.2. Lập dự toán chi phí sản xuất

- Dự toán nguyên vật liệu trực tiếp

Dự toán lượng NVL sử dụng	=	Định mức tiêu hao NVL	x	Số lượng sản phẩm SX theo dự toán
------------------------------	---	--------------------------	---	--------------------------------------

Dự toán tiền thanh toán nguyên vật liệu trực tiếp	=	Dự toán giá mua nguyên vật liệu trực tiếp	x	Tỷ lệ thanh toán tiền trong từng kỳ
---	---	---	---	--

Và dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp xuất cho sản xuất sẽ là:

Dự toán chi phí NVL trực tiếp	=	Dự toán nguyên vật liệu sử dụng	x	Đơn giá xuất nguyên vậ liệu sử dụng
----------------------------------	---	------------------------------------	---	--

- Dự toán chi phí nhân công trực tiếp

Dự toán thời gian lao động (giờ)	=	Dự toán sản phẩm SX	x	Định mức thời gian SX sản phẩm
-------------------------------------	---	------------------------	---	-----------------------------------

Dự toán chi phí nhân công trực tiếp	=	Dự toán thời gian lao động	x	Định mức giá của mỗi đơn vị thời gian
---	---	-------------------------------	---	--

- Dự toán chi phí sản xuất chung

Dự toán chi phí SXC	=	Dự toán biến phí SXC	+	Dự toán định phí SX
------------------------	---	-------------------------	---	---------------------

-Có thể lập biến phí sản xuất chung cho từng đơn vị hoạt động như sau:

Dự toán biến phí SXC	=	Dự toán biến phí đơn vị SXC	x	Sản lượng sản xuất theo dự toán
-------------------------	---	--------------------------------	---	------------------------------------

Dự toán biến phí cũng có thể được lập theo tỉ lệ trên biến phí trực tiếp, khi đó biến phí sản xuất chung dự toán sẽ xác định:

Dự toán biến phí SXC	=	Dự toán biến phí trực tiếp	x	Tỷ lệ biến phí theo dự kiến
-------------------------	---	-------------------------------	---	--------------------------------

- Dự toán định phí sản xuất chung cần thiết phải phân biệt định phí bắt buộc và định phí tùy ý.

Dự toán định phí sản xuất chung	=	Định phí SXC thực tế kỳ trước	x	Tỷ lệ % tăng, giảm định phí SXC theo dự kiến
------------------------------------	---	----------------------------------	---	---

1.2.6. Thu thập thông tin chi phí sản xuất

Trung tâm quản lý chi phí là nơi giúp chúng ta xác định, tập hợp chi phí, thu thập thông tin và chi phí dễ dàng hơn, cung cấp thông tin về chi phí phát sinh của các bộ phận khác nhau, kiểm soát chi phí phát sinh cho các bộ phận tốt hơn.

1.2.7. Kiểm soát sự biến động chi phí sản xuất

1.2.7.1. Kiểm soát sự biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (NVLTT)

Biến động của chi phí NVLTT có thể được kiểm soát gắn liền với các nhân tố giá và lượng có liên quan.

Ảnh hưởng về giá đến biến động NVLTT	=	<table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"> <tr> <td>Đơn giá nguyên vật liệu trực tiếp thực tế</td> <td>-</td> <td>Đơn giá NVL trực tiếp dự toán</td> </tr> </table>	Đơn giá nguyên vật liệu trực tiếp thực tế	-	Đơn giá NVL trực tiếp dự toán	x	Lượng NVL trực tiếp thực tế sử dụng
Đơn giá nguyên vật liệu trực tiếp thực tế	-	Đơn giá NVL trực tiếp dự toán					

Sự tăng giảm đơn giá của NVL có thể do nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan.

Ảnh hưởng về lượng đến biến động NVLTT	=	<table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"> <tr> <td>Nguyên vật liệu trực tiếp thực tế sử dụng</td> <td>-</td> <td>Nguyên vật liệu trực tiếp dự toán sử dụng</td> </tr> </table>	Nguyên vật liệu trực tiếp thực tế sử dụng	-	Nguyên vật liệu trực tiếp dự toán sử dụng	x	Đơn giá nguyên vật liệu trực tiếp dự toán
Nguyên vật liệu trực tiếp thực tế sử dụng	-	Nguyên vật liệu trực tiếp dự toán sử dụng					

Sự tăng giảm mức độ tiêu hao NVL có thể do tác động một hoặc nhiều nguyên nhân khác nhau.

1.2.7.2. Kiểm soát sự biến động chi phí nhân công trực tiếp (NCTT)

Biến động của chi phí NCTT trực tiếp gắn liền với các nhân tố giá và lượng liên quan.

Ảnh hưởng của giá đến biến động chi phí NCTT	=	$\left[\begin{array}{l} \text{Đơn giá nhân công} \\ \text{trực tiếp thực tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Đơn giá nhân} \\ \text{công trực tiếp} \\ \text{dự toán} \end{array} \right] \times$	$\begin{array}{l} \text{Thời gian} \\ \text{lao động} \\ \text{thực tế} \end{array}$
--	---	---	--

Biến động do giá thường do các nguyên nhân gắn liền với việc trả công lao động như chế độ lương, tình hình thị trường cung cầu lao động, chính sách của nhà nước...

Ảnh hưởng của nhân tố lượng:

Ảnh hưởng của thời gian lao động đến biến động NCTT	=	$\left[\begin{array}{l} \text{Thời gian lao} \\ \text{động thực tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Thời gian lao} \\ \text{động theo dự} \\ \text{toán} \end{array} \right] \times$	$\begin{array}{l} \text{Đơn giá nhân} \\ \text{công trực} \\ \text{tiếp dự toán} \end{array}$
---	---	--	---

Sự tăng giảm lượng thời gian sản xuất sản phẩm phản ảnh chênh lệch bất lợi hay thuận lợi, phản ảnh lãng phí hay tiết kiệm chi phí nhân công. Điều này có thể do sự tác động do một hoặc nhiều nguyên nhân khác nhau.

1.2.7.3. Kiểm soát sự biến động chi phí sản xuất chung (SXC)

Chi phí sản xuất chung biến động là do sự biến động biến phí sản xuất chung và biến động của định phí sản xuất chung.

Biến động chi phí SXC	=	Biến động định phí SXC	+	Biến động biến phí SXC
-----------------------	---	---------------------------	---	---------------------------

- Kiểm soát biến động biến phí sản xuất chung

Ảnh hưởng của giá đến biến phí SXC	=	<table border="1"> <tr> <td>Đơn giá biến phí sản xuất chung thực tế</td> <td>-</td> <td>Đơn giá biến phí SXC dự toán</td> </tr> </table>	Đơn giá biến phí sản xuất chung thực tế	-	Đơn giá biến phí SXC dự toán	x	Mức độ hoạt động thực tế
Đơn giá biến phí sản xuất chung thực tế	-	Đơn giá biến phí SXC dự toán					

- Kiểm soát định phí sản xuất chung

Biến động định phí SXC	=	Định phí SXC thực tế	-	Định phí SXC theo dự toán
---------------------------	---	-------------------------	---	------------------------------

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương này trình bày những vấn đề lý luận về kiểm soát chi phí trong doanh nghiệp. Trước hết, trình bày những vấn đề về kiểm soát chi phí sản xuất trong doanh nghiệp và xác định vai trò kiểm soát chi phí sản xuất trong doanh nghiệp, trên cơ sở đó xác định rõ nội dung công tác kiểm soát chi phí phù hợp với đặc thù Công ty quản lý chất thải rắn, đặc biệt là chất thải rắn sinh hoạt.

Phân nghiên cứu này làm cơ sở lý luận cho việc phản ánh thực trạng công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng, từ đó tìm ra giải pháp tăng cường kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng một cách có hiệu quả.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

2.1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 16/4/1999 theo Quyết định số 37/199-QĐ-UB của UBND thành phố Đà Nẵng đổi Công ty Công trình đô thị Đà Nẵng thành Công ty Môi trường đô thị thành phố Đà Nẵng có trụ sở làm việc tại 471 Núi Thành, phường Hoà Cường, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng và là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập theo loại hình kinh doanh công ích.

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ Công ty môi trường Đô Thị Đà Nẵng

Công ty Môi trường Đô Thị Đà Nẵng có chức năng và nhiệm vụ thu gom, vận chuyển xử lý chất thải rắn.

2.1.3. Đặc điểm về tổ chức quản lý sản xuất ở Công ty

2.1.3.1. Khái quát cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý Công ty

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý Công ty theo quan hệ trực tuyến và quan hệ phối hợp chức năng.

2.1.3.2. Chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận trong Công ty

Công ty đã giao chức năng và nhiệm vụ cho từng cá nhân trong ban lãnh đạo và các phòng ban, các đơn vị xí nghiệp trực thuộc.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán ở công ty

Bộ máy kế toán ở Công ty gồm 6 người phụ trách chung cho hoạt động nghiệp vụ của công ty theo quan hệ trực tuyến và phối hợp.

2.1.4.2. Chức năng và nhiệm vụ của từng thành viên trong phòng kế toán

Công ty đã phân công, phân nhiệm cho từng thành viên trong phòng kế toán. Những thành viên này làm việc theo chức năng và nhiệm vụ của mình.

2.1.4.3. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty

- *Trình tự ghi sổ*: áp dụng hình thức kế toán "*chứng từ ghi sổ*".

- *Diễn giải quá trình ghi sổ*: công ty cũng đã áp dụng chương trình phần mềm kế toán vào công tác kế toán.

2.2. THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT CPSX TẠI CÔNG TY MTĐT ĐN.

2.2.1. Môi trường kiểm soát ở Công ty

2.2.1.1. Các nhân tố bên trong

- *Cơ cấu tổ chức quản lý tại Công ty*: bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng. Bộ máy gọn nhẹ, khoa học, có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng.

- *Năng lực chuyên môn của Công ty*

+ Nhân lực: tổng số cán bộ công nhân viên: 1.035 người.

+ Trang thiết bị và công nghệ: công ty đã không ngừng cải tiến kỹ thuật cũng như đầu tư trang thiết bị để phục vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đạt hiệu quả cao.

- *Quan điểm, phong cách điều hành và tư tưởng quản lý của lãnh đạo*

Sự thành công của công ty là sự thỏa mãn của khách hàng và sự mong muốn chi trả của họ đối với dịch vụ của Công ty.

- *Công tác lập kế hoạch, dự toán, quá trình sản xuất, quy trình vận hành kinh doanh*

Công ty xây dựng kế hoạch đầu tư thiết bị, máy móc để nâng cao năng xuất lao động. Kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng các xe chuyên dụng. Kế hoạch

thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải thành phố. Kế hoạch lập quỹ tiền lương cho người lao động và các kế hoạch khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Bộ phận kiểm soát nội bộ:** công ty chưa thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ.

2.2.1.2. Các nhân tố bên ngoài:

Sự kiểm tra của thanh tra bộ Tài chính, kiểm tra của Cục thuế, thanh tra Lao động, thanh tra của Sở Tài Nguyên và Môi trường, kiểm tra chất lượng dịch vụ, an toàn lao động, ...

2.2.2. Tổ chức hệ thống thông tin phục vụ cho công tác kiểm soát CPSX tại Công ty

2.2.2.1. Hệ thống thông tin kế toán

- **Chứng từ kế toán:** chứng từ liên quan đến vật tư, vật liệu, chứng từ liên quan đến chi phí nhân công, chứng từ liên quan đến chi phí sản xuất chung.

- **Tập hợp chi phí:** kế toán Công ty tập hợp chi phí thông qua các xí nghiệp. Các xí nghiệp trực thuộc Công ty hạch toán phụ thuộc (báo cáo sổ).

- **Lập báo cáo chi phí:** báo cáo dự toán (dự toán nội bộ) được lập ở giai đoạn lập hồ sơ dự toán nội bộ do phòng Kế hoạch Đầu tư chủ trì lập. Báo cáo tổng hợp kiểm soát chi phí sản xuất do phòng Kế toán chủ trì lập sau khi các phòng chức năng thực hiện việc kiểm soát chi phí sản xuất.

2.2.2.2. Hệ thống thông tin kỹ thuật

Hệ thống thông tin kỹ thuật của Công ty bao gồm việc lập, luân chuyển hồ sơ và lập các báo cáo kỹ thuật. Hồ sơ công nghệ được phòng Kỹ thuật lập sau khi có lệnh của Phó Giám Kỹ thuật. Lệnh sản xuất được phòng Kế hoạch Đầu tư thảo trình Phó Giám đốc Kỹ thuật ký. Phiếu giao việc do phòng Kế

hoạch Đầu tư lập gửi xuống các xí nghiệp.

2.2.3. Phân loại chi phí phục vụ cho công tác kiểm soát chi phí sản xuất

Do đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn nên chi phí sản xuất được phân loại theo công dụng kinh tế.

2.2.4. Thiết lập các thủ tục kiểm soát chi phí sản xuất ở Công ty

Công ty cũng thiết lập những thủ tục trong công tác KSCP đó là lập hồ sơ quy trình thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và hồ sơ công nghệ xử lý chất thải, kiểm soát chất lượng và giá vật tư mua vào và lập hồ sơ dự toán chi phí trình cấp trên duyệt, quy trình triển khai tổ chức sản xuất,..

2.2.5. Lập dự toán chi phí sản xuất tại Công ty

2.2.5.1. Dự toán chi phí vật tư, vật liệu trực tiếp

Chi phí vật tư, vật liệu	=	Đ/mức hao phí từng loại v-liệu để thực hiện một đơn vị khối lượng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	x	Giá của từng loại vật liệu tương ứng
--------------------------	---	--	---	--------------------------------------

Dự toán ca máy và thiết bị sử dụng trực tiếp thực hiện các dịch vụ công ích đô thị, Công ty xây dựng như sau:

C/chí sử dụng xe máy và t/bị	=	Định mức hao phí ca xe máy và thiết bị của từng loại xe máy và thiết bị để thực hiện một đơn vị khối lượng thu gom, vận chuyển và xử lý CTR	x	Giá ca xe máy và thiết bị tương ứng
------------------------------	---	---	---	-------------------------------------

2.2.5.2. Dự toán chi phí nhân công trực tiếp

Dự toán chi phí nhân công lập dựa vào định mức hao phí ngày công, tiền lương ngày công và số lượng nhân công,..

Chi phí nhân công	=	Định mức hao phí ngày công của cấp bậc công nhân được quy định để thực hiện một đơn vị khối lượng công việc dịch vụ công ích đô thị	x	Tiền lương ngày công của cấp bậc công nhân tương ứng
----------------------------	---	--	---	---

2.2.5.3. Dự toán chi phí sản xuất chung

Dự toán chi phí khấu hao tài sản cố định, căn cứ vào giá trị tài sản cố định có trong kỳ và tình hình biến động tài sản cố định trong năm theo kế hoạch, kế toán xác định mức khấu hao năm dự kiến theo chế độ quy định.

Chi phí công nhân gián tiếp tại các xí nghiệp, Công ty lập dự toán căn cứ vào số lượng công nhân viên, hệ số và lương theo nhà nước quy định. Đối với chi phí hành chính, Công ty khoán chi phí cả năm cho các xí nghiệp trực thuộc, mức cao thấp tùy thuộc vào doanh thu tiền rác và chi phí nhân công.

2.2.6. Kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty

2.2.6.1. Kiểm soát vật tư, vật liệu trực tiếp

+ Kiểm soát quá trình mua hàng

Việc mua hàng đều được biểu hiện thông qua hợp đồng kinh tế và các chứng từ liên quan đến hàng hóa để Công ty thực hiện các thủ tục về thanh toán theo các yêu cầu cụ thể được ghi trong hợp đồng.

Đối với phụ tùng thay thế như bình điện, xăm lốp, nguyên vật liệu khác, căn cứ vào nhu cầu thực tế, Giám đốc hoặc kế toán Xí nghiệp tự thỏa thuận giá và khối lượng vật tư, phụ tùng thay thế trực tiếp với người bán và trình Giám đốc Công ty, Giám đốc Công ty xem xét và ký hợp đồng.

Phòng Kỹ thuật kiểm tra chất lượng bằng cách kiểm tra màu sắc, mẫu mã, hàng cũ hay mới,...tiến hành làm thủ tục nhập kho.

Phòng Kế toán xem xét các chứng từ có đầy đủ hay không, trình Giám

độc ký duyệt và chuyển tiền cho người bán.

+ *Kiểm soát nhập, xuất vật tư - vật liệu*

Kế toán vật tư tiếp nhận các chứng từ có liên quan đến vật tư cần nhập kho, thủ kho căn cứ vào phiếu nhập và vật tư thực tế tiến hành nhập kho vật tư và xuất kho theo phiếu xuất đã được duyệt. Kế toán vật tư lưu trữ chứng từ xuất vật tư và hạch toán vào phần mềm kế toán.

- *Đối với công tác xử lý rác thải sinh hoạt*

Cách kiểm soát mua, nhập, xuất hàng hóa cũng giống như kiểm soát mua, nhập xuất hàng cho công tác thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt.

2.2.6.2. Kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp (NCTT)

Công ty kiểm tra và đánh giá ngày, giờ công dựa trên bảng chấm công của các tổ sản xuất và đối chiếu số nhật ký công trình của từng nhân viên ở từng đơn vị, số ngày phép còn lại, số ngày nghỉ, làm thêm. Kiểm tra các khoản trích theo lương về BHXH, BHYT, KPCĐ đúng tỉ lệ theo quy định của nhà nước và theo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời có thể kiểm tra hiệu quả, chất lượng dịch vụ thông qua kết quả đánh giá của ban lãnh đạo Xí nghiệp, ban lãnh đạo Công ty và khối lượng rác thu gom mà công ty lấy từ trạm cân.

2.2.6.3. Kiểm soát chi phí sản xuất chung

Chi phí vật liệu, dụng cụ sản xuất phát sinh theo hạng mục công việc liên quan trực tiếp đến từng công đoạn, kiểm soát chi phí này giống như kiểm soát chi phí vật tư, vật liệu ở phần 2.2.6.1 là kiểm soát từng hạng mục đã được xét duyệt định mức do các xí nghiệp sản xuất trình khi có nhu cầu phát sinh công việc. Quá trình kiểm tra chặt chẽ từ các thủ tục kiểm soát, nhất là việc giám sát trong quá trình sản xuất và căn cứ vào nghiệm thu khối lượng thực tế.

Các chi phí hành chính được giao khoán cho các xí nghiệp, Công ty kiểm soát bằng cách kiểm tra chứng từ, cách phân bổ có hợp lệ hay không và nếu vượt khoán xí nghiệp đó chịu trách nhiệm.

Chi phí sửa chữa thường xuyên, chi phí dụng cụ cầm tay Công ty giao cho các xí nghiệp mua sắm và sử dụng theo định mức. Quy trình kiểm soát cũng giống như kiểm soát chi chi phí phụ tùng thay thế như ở mục 2.2.6.1.

Chi phí khấu hao tài sản chiếm tỷ trọng lớn, khoảng 70% chi phí sản xuất chung. Tài sản cố định tại Công ty được tính khấu hao theo chế độ quản lý, sử dụng, trích khấu hao TSCĐ ban hành theo Quyết định số 166/1999/QĐ-BTC ngày 30/12/1999 của Bộ Tài chính.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KIỂM SOÁT CPSX TẠI CÔNG TY MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

- Ưu điểm

Bộ máy quản lý hợp lý, có sự phân công, phân nhiệm và uỷ quyền rõ ràng.

- Đội ngũ cán bộ và nhân viên có năng lực và trách nhiệm. Công tác kiểm soát chi phí sản xuất của Công ty ngày càng hoàn thiện hơn do sử dụng phần mềm kế toán nên hệ thống kế toán tài chính luôn cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho lãnh đạo Công ty khi cần thiết.

- Nhược điểm

Thứ nhất: Công ty chưa thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ

Thứ hai: Các báo cáo chưa chỉ rõ chiều hướng biến động của chi phí SX.

Thứ ba: Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư và phòng Công nghệ Môi trường trực tiếp thỏa thuận giá với người bán, điều này dễ dẫn đến tình trạng trưởng phòng sẽ thông đồng với người bán để nâng cao giá vật tư.

Thứ tư: Đối với phụ tùng thay thế do Kế toán xí nghiệp tự thỏa thuận, tự xác định số lượng và giá cả để tiến hành mua hàng, điều này dễ dẫn đến tình trạng người mua hàng yêu cầu người bán xuất hóa đơn giá cao hơn giá đã thỏa thuận và số lượng nhiều hơn số lượng thực tế cần cho nhu cầu SX tại đơn vị.

Thứ năm: Tại trạm cân, lúc nào xảy ra tình trạng hư hỏng Công ty mới tiến hành kiểm tra, bên cạnh đó cán bộ kỹ thuật làm tại nơi này cũng làm lâu năm nên dễ xảy ra tình trạng thông đồng với lái xe để điều chỉnh khối lượng không, nếu khối lượng phát sinh thì chi phí sản xuất cũng phát sinh theo.

Thứ sáu: Việc kiểm soát chi phí chưa được duy trì thường xuyên liên tục thông qua một quy chế nội bộ mang tính thống nhất. Chưa xác định rõ ai là người sẽ tham gia vào quá trình kiểm soát chi phí, trong đó bộ phận nào giữ vai trò chủ chốt. Chưa xác định được công cụ cụ thể để kiểm soát chi phí.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Luận văn đã khái quát được tình hình tổ chức sản xuất kinh doanh cũng như tình hình kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng. Công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty được thể hiện qua môi trường kiểm soát, tổ chức hệ thống thông tin phục vụ cho công tác kiểm soát chi phí sản xuất, việc phân loại chi phí sản xuất, thiết lập các thủ tục kiểm soát chi phí sản xuất, công tác lập dự toán chi phí sản xuất và kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty. Qua đó, Luận văn đã nêu ra những ưu điểm và những nhược điểm chung về kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty.

Phần nghiên cứu này là cơ sở để đưa ra những giải pháp nhằm tăng cường kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty Môi trường đô thị Đà Nẵng.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐN

3.1. PHƯƠNG HƯỚNG TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐN

Tuân thủ pháp luật và các quy định hiện hành của Nhà nước, tăng cường kiểm soát chi phí sản xuất ngày một hiệu quả hơn để dịch vụ của Công ty ngày càng có chất lượng.

Hiện đại hóa công nghệ về dịch vụ vệ sinh môi trường và huy động sức mạnh của cộng đồng, tăng khả năng tái chế và tái sử dụng rác thải tạo thêm nguồn thu.

3.2. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐN

3.2.1. Các giải pháp hoàn thiện môi trường kiểm soát tại Công ty

3.2.1.1. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý tại Công ty

Công ty nên bỏ phiếu kín để tìm ra người có năng lực thật sự không nên chỉ định hoặc bầu trong phạm vi hẹp và mang tính chất hình thức.

Con người phải được bố trí hợp lý, đảm bảo khả năng kiểm soát, kiểm tra lẫn nhau, không nên bố trí thừa như hiện nay, rất lãng phí, ảnh hưởng đến tổng quỹ lương và thu nhập của cán bộ công nhân viên (nếu khoán quỹ lương).

3.2.1.2. Thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ

Công ty cần thiết phải thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ để thực hiện việc giám sát và kiểm tra đánh giá thường xuyên toàn bộ hoạt động tài chính – kế toán của Công ty và nhất là tập trung kiểm soát nội bộ về chi phí sản xuất kinh doanh.

3.2.2. Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán

Hoàn thiện các mẫu báo cáo nội bộ sao cho phù hợp với yêu cầu hiện tại từng bộ phận, đơn vị và người quản lý là điều tất yếu.

3.2.3. Hoàn thiện việc lập báo cáo chi phí phục vụ kiểm soát CPSX

3.2.3.1. Báo cáo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Công ty nên lập báo cáo tình hình thực hiện chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của từng loại nguyên vật liệu, ghi rõ chiều hướng và nguyên nhân chênh lệch chi phí, từ đó Công ty mới đưa ra các biện pháp khắc phục.

3.2.3.2. Báo cáo chi phí nhân công trực tiếp

Công ty nên lập báo cáo chi phí nhân công trực tiếp, trong báo cáo này cần phải so sánh được sự biến động về lượng và giá của nhân công trực tiếp sản xuất thực tế so với dự toán được lập và Công ty lập báo cáo trên cơ sở bảng báo cáo của các xí nghiệp gửi lên và đối chiếu với con số mà Công ty đã theo dõi.

3.2.3.3. Báo cáo chi phí sản xuất chung

Trong báo cáo Công ty nên phân tích biến động về lượng và biến động về giá nhằm mục đích xác định nguyên nhân của các biến động, từ đó đưa ra biện pháp khắc phục kịp thời. Đồng thời, cung cấp cho lãnh đạo những thông tin cần thiết để có những biện pháp thích hợp trong quản lý.

3.2.4. Các giải pháp cho thủ tục kiểm soát chi phí sản xuất

- Thủ tục lập hồ sơ công nghệ

Nhân viên kỹ thuật của phòng Kỹ thuật phải giỏi về trình độ chuyên môn, thường xuyên nắm bắt được sự phát triển mới của công nghệ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải, phải trung thực, phải có tư cách đạo đức và lương tâm trách nhiệm cao trong công việc. Nhân viên phòng Kế hoạch Đầu tư phải

điều động xe thu gom vận chuyển và xử lý phù hợp với công suất của mỗi loại xe, phù hợp với tuyến đường và địa bàn hoạt động.

- Thủ tục kiểm soát giá vật tư mua vào

Để tránh có sự thông đồng khi mua vật tư, phòng Kế hoạch Đầu tư của Công ty phải trình các phương án lựa chọn giá mua cho phòng Kế toán và Giám đốc đơn vị kiểm tra trước khi mua vật tư. Trường hợp mua vật tư có giá trị lớn, phải tổ chức Tổ đấu thầu bao gồm các thành viên của phòng Kế hoạch Đầu tư, phòng Kế toán, phòng Kỹ thuật, phòng Công nghệ Môi trường và lãnh đạo Công ty (Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Kinh doanh do Giám đốc uỷ quyền).

- Thủ tục lập hồ sơ dự toán

Phòng Kế hoạch Đầu tư và phòng Kế toán phải tìm kiếm những nhà cung cấp tại địa phương hoặc ngoài địa phương và ngay cả nước ngoài miễn là có được vật tư có lợi nhất cho Công ty về mọi phương diện. Nếu cần mua vật tư có khối lượng lớn nên tổ chức theo phương thức đấu thầu.

3.2.5. Ứng dụng sự phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí

3.2.5.1. Hạn chế mức độ gia tăng của chi phí khả biến cấp bậc

Các máy móc thiết bị, thùng rác, phụ tùng thay thế,... của bộ phận nào bộ phận đó quản lý. Các bộ phận quản lý phải chịu trách nhiệm bảo quản, bảo trì theo kế hoạch của Công ty và không được sử dụng máy móc quá công suất quy định của máy để hạn chế chi phí sửa chữa máy móc thiết bị.

3.2.5.2. Thống kê chi phí sản xuất phát sinh ngoài dự toán

Thiết kế sổ thống kê chi phí sản xuất phát sinh ngoài dự toán nhằm giúp cho Công ty biết được chi phí phát sinh ngoài dự toán trong từng kỳ, từng công đoạn và hạng mục dịch vụ.

3.2.6. Các giải pháp lập dự toán chi phí sản xuất

Công ty lập lại định mức, dự toán và giao khoán doanh thu và chi phí cho các xí nghiệp môi trường nhằm tạo động lực trong quá trình thực hiện công việc, vừa tạo điều kiện cho các xí nghiệp tự chủ về kinh phí và kiểm soát chi phí của xí nghiệp mình nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng môi trường. Bên cạnh đó, các phòng ban Công ty phải theo dõi, giám sát và kiểm tra các hạng mục chi phí.

3.2.7. Các giải pháp tăng cường kiểm soát chi chi phí sản xuất

3.2.7.1. Tăng cường kiểm soát chi phí vật liệu trực tiếp

- Đối với công tác mua sắm vật tư, vật liệu

Công ty nên giao cho phòng Kế hoạch Đầu tư làm giấy đề nghị mua vật tư các loại trên cơ sở giấy đề nghị mua vật tư của các xí nghiệp hoặc các bộ phận khác và cần giám sát chặt chẽ việc thực hiện, không nên giao mỗi loại vật tư cho mỗi phòng ban, xí nghiệp có trách nhiệm mua sắm.

- Đối với quá trình xuất vật tư, vật liệu

Khi Công ty nhận giấy đề nghị cấp vật tư của các đơn vị trực thuộc, phòng Kế hoạch Đầu tư cần cho người xuống kiểm tra hiện trường và xác nhận vào bảng báo cáo nhu cầu cấp vật tư và đưa đến các phòng ban và Giám đốc ký duyệt. Phòng Kế toán lập phiếu xuất kho, kế toán trưởng kiểm tra và xác nhận, trình Giám đốc ký phiếu xuất kho và giao cho thủ kho xuất vật tư, thủ kho ký nhận và giao cho kế toán vật tư ghi sổ và lưu trữ.

3.2.7.2. Tăng cường kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp.

Công ty nên khoán số lượng công nhân (nếu đơn vị trực thuộc có nhu cầu thì đề xuất, công ty không nên áp đặt số lượng công nhân khi đơn vị họ đã thừa) và quỹ tiền lương cho các đơn vị trực thuộc, trên cơ sở đó các xí nghiệp

tự điều tiết lượng lao động và ra quy chế trả lương sao cho phù hợp nhưng không thấp hơn lương tối thiểu của nhà nước quy định mà chất lượng môi trường vẫn đảm bảo.

3.2.7.3. Tăng cường kiểm soát chi phí sản xuất chung

Công ty nên xem xét lại cách tính khấu hao cho đúng với quy định hiện nay là khấu hao theo ngày thực tế sử dụng, đảm bảo tính hợp lý của CPSX.

3.2.8. Thu thập thông tin chi phí sản xuất của Công ty.

Để có được một hệ thống thông tin hiệu quả có thể khuyến khích được nhân viên tham gia vào quản lý chi phí. Điều quan trọng, muốn hiểu rõ thông tin về chi phí hơn, Công ty cần phải xây dựng bảng kê chi phí và đơn vị tính phí, đánh giá thành quả của trung tâm CP sau đó xây dựng hệ thống mã số CP.

3.2.9. Xây dựng ý thức tiết kiệm chi phí cho các cá nhân

- Xây dựng mối quan hệ giữa nhà quản lý với nhân viên.
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động chi phí sản xuất.
- Khuyến khích công nhân viên tham gia quản lý chi phí.
- Xây dựng hệ thống thông tin về chi phí đơn giản, thường xuyên ở mọi nơi chi phí phát sinh

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Từ thực trạng kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng, kết hợp với cơ sở lý luận về kiểm soát chi phí sản xuất, chương 3 của luận văn đã đưa ra các phương hướng và những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty, Với hy vọng, luận văn sẽ góp phần vào việc tăng cường kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng nhằm đem lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

KẾT LUẬN

Kiểm soát chi phí sản xuất là vấn đề quan trọng hàng đầu của quản lý chi phí. Luận văn nghiên cứu hoạt động dịch vụ của Công ty để ứng dụng và từ đó đưa ra các phương hướng và giải pháp kiểm soát chi phí sản xuất để tăng cường cho hệ thống kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty nhằm góp phần vào việc bảo tồn được nguồn vốn nhà nước và quản lý tốt chất thải rắn ở Đà Nẵng, đặc biệt là chất thải rắn sinh hoạt.

Luận văn “Tăng cường kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng” mong muốn góp một phần nhỏ bé để cải thiện dần việc kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty, giúp cán bộ công nhân viên nhận thức được tầm quan trọng về tiết kiệm chi phí, đem lại hiệu quả trong quản lý chi phí và hiệu quả về chất lượng môi trường. Và tất nhiên, sự tham gia tích cực của các cấp, các ngành, của mọi tầng lớp nhân dân là yếu tố không kém phần quan trọng để hỗ trợ cho Công ty trong việc kiểm soát chi phí sản xuất.

Tháng 5 năm 2011